BỘ TƯ PHÁP
TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH THUỘC DIỆN TRÚNG TUYỂN VÀO TỔNG CỤC THADS VÀ CƠ QUAN THADS TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TRONG HỆ THỐNG THADS NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông báo số 379 /TB-HĐTD ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng tuyển dụng công chức)

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
A	**CƠ QUAN TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**													
A.1.	**Vị trí Giải quyết khiếu nại, tố cáo về Thi hành án: 04 chỉ tiêu**													
1	Tổng cục THADS	**0004**	Đoàn Minh Dương	Nam	2001	Giải quyết KNTC về THA	Vụ Giải quyết khiếu nại, tố cáo		80.3		80.3	x		
2	Tổng cục THADS	**0001**	Lê Hồng Anh	Nữ	2002	Giải quyết KNTC về THA	Vụ Giải quyết khiếu nại, tố cáo		78.5		78.5	x		
3	Tổng cục THADS	**0006**	Đào Thị Hương Giang	Nữ	2001	Giải quyết KNTC về THA	Vụ Giải quyết khiếu nại, tố cáo		69.3		69.3	x		
4	Tổng cục THADS	**0014**	Lê Trịnh Nguyên	Nam	2000	Giải quyết KNTC về THA	Vụ Giải quyết khiếu nại, tố cáo		62.8		62.8	x		
A.2.	**Vị trí Quản lý Thi hành án hành chính: 04 chỉ tiêu**													
1	Tổng cục THADS	**0033**	Bùi Nhật Minh	Nam	1999	Quản lý THA hành chính	Vụ Nghiệp vụ 3		74.0		74.0	x		
2	Tổng cục THADS	**0039**	Trần Thanh Khánh Phương	Nữ	1997	Quản lý THA hành chính	Vụ Nghiệp vụ 3		58.5		58.5	x		
3	Tổng cục THADS	**0024**	Phạm Ngọc Bảo	Nam	1998	Quản lý THA hành chính	Vụ Nghiệp vụ 3		57.5		57.5	x		
4	Tổng cục THADS	**0027**	Nguyễn Trần Cẩm Chi	Nữ	2001	Quản lý THA hành chính	Vụ Nghiệp vụ 3		55.5		55.5	x		

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
A.3.	**Vị trí Quản lý Thi hành án dân sự: 05 chỉ tiêu**													
1	Tổng cục THADS	**0071**	Ninh Thị Hồng Nhung	Nữ	2000	Quản lý THADS	Vụ Nghiệp vụ 2		77.5		77.5	x		
2	Tổng cục THADS	**0055**	Nguyễn Đức Thành	Nam	1998	Quản lý THADS	Vụ Nghiệp vụ 1		74.5		74.5	x		
3	Tổng cục THADS	**0056**	Chu Phương Thủy	Nữ	2001	Quản lý THADS	Vụ Nghiệp vụ 1		73.0		73.0	x		
4	Tổng cục THADS	**0048**	Nguyễn Hoàng Phương Dung	Nữ	2001	Quản lý THADS	Vụ Nghiệp vụ 1		72.0		72.0		x	Vụ Nghiệp vụ 2 : 01 chỉ tiêu
5	Tổng cục THADS	**0066**	Bùi Thị Mai Linh	Nữ	2000	Quản lý THADS	Vụ Nghiệp vụ 2		65.0	5	70.0	x		
A.4.	**Vị trí Xây dựng kế hoạch (lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản): 01 chỉ tiêu**													
1	Tổng cục THADS	**0253**	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	1994	XDKH (l.vực đ.tư XDCB)	Vụ Kế hoạch - Tài chính		73.5		73.5	x		
A.5.	**Vị trí Văn thư: 01 chỉ tiêu**													
1	Tổng cục THADS	**0275**	Nguyễn Tràng Tiến	Nam	1991	Văn thư	Văn phòng	x	81.5		81.5	x		
B	**CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**													
B.1.	**Tổ chức Thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự**													
B.1.1.	**An Giang: 3 chỉ tiêu**													
1	tỉnh An Giang	**0286**	Huỳnh Thị Ngọc Nhi	Nữ	1998	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		82.0		82.0	x		Cục THADS tỉnh An Giang : 01 chỉ tiêu
2	tỉnh An Giang	**0290**	Trương Thị Diễm Trinh	Nữ	1997	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Thoại Sơn		72.0		72.0	x		
3	tỉnh An Giang	**0291**	Ngô Thị Kim Xuyến	Nữ	1994	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Thoại Sơn		66.5		66.5		x	

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
B.1.2.	**Bà Rịa-Vũng Tàu: 5 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	**0303**	Đào Việt Thắng	Nam	1992	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ		58.0		58.0	x		Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc : 01 chỉ tiêu; huyện Châu Đức : 01 chỉ tiêu
2	tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	**0295**	Nguyễn Phúc Huy	Nam	2001	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Long Điền		57.0		57.0	x		
3	tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	**0298**	Phan Thị Cẩm Tiên	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Long Điền		55.0		55.0		x	
4	tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	**0297**	Đỗ Tuấn Phúc	Nam	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Long Điền		53.0		53.0		x	
5	tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	**0292**	Ngô Thị Trà Giang	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Châu Đức		52.0		52.0	x		
B.1.3.	**Bắc Giang: 3 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Bắc Giang	**0081**	Hứa Văn Sâm	Nam	1994	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		70.5	5	75.5	x		Chi cục THADS huyện Hiệp Hoà : 01 chỉ tiêu
2	tỉnh Bắc Giang	**0075**	Nguyễn Phương Anh	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		73.0		73.0		x	
3	tỉnh Bắc Giang	**0087**	Nguyễn Phương Nam	Nam	1995	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Lục Ngạn		72.0		72.0	x		
B.1.4.	**Bạc Liêu: 5 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Bạc Liêu	**0304**	Trần Tuyết Linh	Nữ	1992	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		67.5		67.5	x		Chi cục THADS huyện Giá Rai : 1 chỉ tiêu, Hồng Dân : 1 chỉ tiêu 1, huyện Đông Hải 2 chỉ tiêu
2	tỉnh Bạc Liêu	**0306**	Lê Tuyết Nhi	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		61.5		61.5		x	
3	tỉnh Bạc Liêu	**0305**	Trịnh Thuý Linh	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		51.5		51.5		x	

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
B.1.5.	**Bến Tre: 3 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Bến Tre	**0310**	Phạm Ngọc Nguyên Nhung	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		73.5		73.5	x		Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Bến Tre	**0309**	Lê Thị Diễm	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		66.5		66.5	x		
3	tỉnh Bến Tre	**0311**	Nguyễn Thị Minh Thư	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		61.5		61.5		x	
B.1.6.	**Bình Dương: 18 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Bình Dương	**0313**	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	2002	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		82.0		82.0	x		Chi cục THADS huyện Thuận An : 3 chỉ tiêu, huyện Tân Uyên : 1 chỉ tiêu, huyện Bến Cát : 3 chỉ tiêu, huyện Bầu Bàng : 1 chỉ tiêu, huyện Bắc Tân Uyên : 1 chỉ tiêu, huyện Dầu Tiếng : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Bình Dương	**0318**	Trương Thị Trang	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		80.0		80.0	x		
3	tỉnh Bình Dương	**0328**	Phan Hữu Nghĩa	Nam	2002	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS TP. Thuận An		75.8		75.8	x		
4	tỉnh Bình Dương	**0331**	Phạm Hà Thanh Thảo	Nữ	1997	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS TP.Thủ Dầu Một		70.5		70.5	x		
5	tỉnh Bình Dương	**0319**	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	Nữ	1996	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		66.8		66.8	x		
6	tỉnh Bình Dương	**0321**	Huỳnh Kim Ngân	Nữ	1992	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS TP. Dĩ An		64.0		64.0	x		
7	tỉnh Bình Dương	**0324**	Trần Đức Dũng	Nam	1997	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS TP. Tân Uyên		61.5	2.5	64.0	x		
8	tỉnh Bình Dương	**0315**	Phan Văn Hiếu	Nam	1998	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		62.0		62.0		x	
9	tỉnh Bình Dương	**0314**	Nguyễn Thị Thanh Hà	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		59.5		59.5		x	
10	tỉnh Bình Dương	**0320**	Nguyễn Thị Yến	Nữ	1997	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		58.0		58.0		x	
11	tỉnh Bình Dương	**0330**	Trần Thị Thanh Nhàn	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS TP.Thủ Dầu Một		57.8		57.8	x		
12	tỉnh Bình Dương	**0322**	Nguyễn Ngọc Tuyết Nhung	Nữ	2002	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS TP. Dĩ An		51.5		51.5		x	

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
B.1.7.	**Bình Phước: 5 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Bình Phước	**0335**	Phan Thị Xuân Hậu	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		63.5		63.5	x		Chi cục THADS huyện Bình Long : 1 chỉ tiêu, huyện Đồng Phú : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Bình Phước	**0337**	Phùng Thị Hoa Mơ	Nữ	1983	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập	x	56.3	5	61.3	x		
3	tỉnh Bình Phước	**0336**	Hoàng Mạnh Hùng	Nam	1999	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		54.3		54.3		x	
4	tỉnh Bình Phước	**0338**	Nguyễn Hữu Phước	Nam	1993	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Phú Riềng		50.0		50.0	x		
B.1.8.	**Bình Thuận: 4 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Bình Thuận	**0340**	Nguyễn Kim Dương	Nam	1987	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Nam		75.0		75.0	x		
2	tỉnh Bình Thuận	**0351**	Nguyễn Phước Phú Vinh	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Tuy Phong		69.8		69.8	x		
3	tỉnh Bình Thuận	**0344**	Huỳnh Thị Thùy Trang	Nữ	1995	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Phú Quý		69.5		69.5	x		
4	tỉnh Bình Thuận	**0347**	Nguyễn Thị Hồng Ngự	Nữ	1996	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Tánh Linh		67.0		67.0	x		
B.1.9.	**Cà Mau: 3 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Cà Mau	**0354**	Huỳnh Thùy Như	Nữ	1995	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		70.0		70.0	x		Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Cà Mau	**0352**	Nguyễn Tín Đức	Nam	1994	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		62.3		62.3	x		
3	tỉnh Cà Mau	**0355**	Huỳnh Lâm Uyên	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		56.0		56.0		x	

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
B.1.10.	**Đắk Lắk: 7 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Đắk Lắk	**0094**	Triệu Nữ Thiên Thanh	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		81.3	5	86.3	x		Chi cục THADS huyện Buôn Hồ : 1 chỉ tiêu, huyện M'Đrắk : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Đắk Lắk	**0099**	Tạ Ngọc Sáng	Nam	1989	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Krông Búk	x	76.0		76.0	x		
3	tỉnh Đắk Lắk	**0096**	Nguyễn Thị Trúc Nhã	Nữ	1998	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Ea H'leo		67.5	5	72.5	x		
4	tỉnh Đắk Lắk	**0102**	Lê Hoàng Nam	Nam	1998	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Krông Pắc		71.5		71.5	x		
5	tỉnh Đắk Lắk	**0091**	Đặng Quốc Hùng	Nam	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		68.8		68.8	x		
6	tỉnh Đắk Lắk	**0101**	Nguyễn Thái Khoa	Nam	1997	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Krông Pắc		68.8		68.8		x	
7	tỉnh Đắk Lắk	**0095**	Trần Thị Yến Vy	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		67.5		67.5		x	
B.1.11.	**Đồng Nai: 07 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Đồng Nai	**0359**	Lê Minh Thư	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Long Thành		75.0		75.0	x		
2	tỉnh Đồng Nai	**0358**	Nguyễn Chánh Lộc	Nam	1992	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ		62.0	2.5	64.5	x		
3	tỉnh Đồng Nai	**0357**	Trần Đình Lâm	Nam	1991	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ		61.8	2.5	64.3	x		
4	tỉnh Đồng Nai	**0360**	Nguyễn Thị Thu Dung	Nữ	1988	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Nhơn Trạch		53.5		53.5	x		
5	tỉnh Đồng Nai	**0362**	Đoàn Thị Hà Châu	Nữ	1998	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Thống Nhất		50.3		50.3	x		

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
B.1.12.	**Đồng Tháp: 05 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Đồng Tháp	**0369**	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò		68.3		68.3	x		Chi cục THADS thành phố Sa Đéc : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Đồng Tháp	**0368**	Trần Thị Tú Trinh	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		57.8		57.8	x		
3	tỉnh Đồng Tháp	**0370**	Dương Lê Quỳnh Oanh	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò		52.8		52.8		x	
4	tỉnh Đồng Tháp	**0371**	Lê Thị Ánh Nhi	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình		50.5		50.5	x		
5	tỉnh Đồng Tháp	**0366**	Bùi Thành Lợi	Nam	1993	Tổ chức thi hành án	Cục THADS	x	50.3		50.3	x		
B.1.13.	**Hà Tĩnh: 1 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Hà Tĩnh	**0109**	Phạm Thị Thùy Linh	Nữ	1998	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Hương Khê		82.3		82.3	x		
B.1.14.	**Hoà Bình: 1 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Hòa Bình	**0113**	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	1996	Tổ chức thi hành án	Cục THADS	x	77.3		77.3	x		
B.1.15.	**Khánh Hoà: 3 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Khánh Hòa	**0115**	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS TP. Nha Trang		87.8		87.8	x		
2	tỉnh Khánh Hòa	**0114**	Đặng Thị Quỳnh Anh	Nữ	1997	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS TP. Nha Trang		78.0		78.0	x		
3	tỉnh Khánh Hòa	**0120**	Huỳnh Quang Việt	Nam	1982	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS TP. Nha Trang		77.0		77.0	x		

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
B.1.16.	**Kiên Giang: 8 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Kiên Giang	**0379**	Nguyễn Đoàn Hạnh Vy	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		72.0		72.0	x		Chi cục THADS huyện Rạch Giá : 1 chỉ tiêu, huyện Hòn Đất : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Kiên Giang	**0376**	Phạm Thị Cẩm Lình	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		66.3		66.3	x		
3	tỉnh Kiên Giang	**0382**	Danh Diễm Trang	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Gò Quao		60.8	5	65.8	x		
4	tỉnh Kiên Giang	**0384**	Trần Văn Trường	Nam	1998	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Hòn Đất		61.5		61.5	x		
5	tỉnh Kiên Giang	**0380**	Lê Hà Danh Lam	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Châu Thành		60.5		60.5	x		
6	tỉnh Kiên Giang	**0377**	Lê Văn Thịnh	Nam	1999	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		55.5		55.5		x	
7	tỉnh Kiên Giang	**0378**	Võ Văn Vũ	Nam	1999	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		54.3		54.3		x	
8	tỉnh Kiên Giang	**0386**	Huỳnh Phạm Thảo Vy	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS thành phố Rạch Giá		50.3		50.3	x		
B.1.17.	**Lai Châu: 4 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Lai Châu	**0137**	Trần Đặng Việt Hoàng	Nam	1997	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Nậm Nhùn .		78.5		78.5	x		Chi cục THADS huyện Tam Đường : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Lai Châu	**0128**	Lê Thị Hồng Ngát	Nữ	1997	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		75.5		75.5	x		
3	tỉnh Lai Châu	**0121**	Lò Thành Công	Nam	1998	Tổ chức thi hành án	Cục THADS	x	65.0	5	70.0	x		
4	tỉnh Lai Châu	**0122**	Nguyễn Việt Cường	Nam	1996	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		69.0		69.0		x	
B.1.18.	**Lâm Đồng: 6 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Lâm Đồng	**0391**	Trần Thị Hạnh	Nữ	1996	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Đơn Dương		75.5		75.5	x		

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
2	tỉnh Lâm Đồng	**0389**	Thân Chí Nguyên	Nam	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Di Linh		70.3		70.3	x		
3	tỉnh Lâm Đồng	**0394**	Vương Ngọc Uyên	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Lâm Hà		66.5		66.5	x		
B.1.19.	**Long An: 5 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Long An	**0399**	Lê Quốc Cường	Nam	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		70.8		70.8	x		Chi cục THADS huyện Thủ Thừa : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Long An	**0403**	Lê Hồng Như Ngọc	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		64.5		64.5	x		
3	tỉnh Long An	**0401**	Đặng Vũ Khanh	Nam	1992	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		59.8	2.5	62.3	x		
4	tỉnh Long An	**0405**	Bạch Hoàng Phúc	Nam	1996	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		59.0		59.0	x		
5	tỉnh Long An	**0398**	Nguyễn Phước Bình	Nam	1990	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		52.3		52.3		x	
B.1.20.	**Nghệ An: 3 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Nghệ An	**0157**	Trần Văn Thịnh	Nam	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Kỳ Sơn		74.0	5	79.0	x		Chi cục THADS huyện Kỳ Sơn : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Nghệ An	**0160**	Huỳnh Thị Khánh Linh	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Quỳ Châu		72.0		72.0	x		
3	tỉnh Nghệ An	**0162**	Phạm Thị Thúy Quyên	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Quỳ Châu		67.0		67.0		x	
B.1.21.	**Ninh Bình: 3 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Ninh Bình	**0141**	Lê Vũ Hùng	Nam	1998	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		70.0		70.0	x		
2	tỉnh Ninh Bình	**0142**	Bùi Thị Thùy Linh	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		66.5		66.5	x		
3	tỉnh Ninh Bình	**0149**	Lã Thị Phương Thảo	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		56.0		56.0	x		

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
B.1.22.	**Phú Thọ: 1 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Phú Thọ	**0164**	Nguyễn Kiều Oanh	Nữ	1997	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Đoan Hùng		64.5		64.5	x		
B.1.23.	**Phú Yên: 1 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Phú Yên	**0165**	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		63.5		63.5	x		
B.1.24.	**Quảng Nam: 1 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Quảng Nam	**0167**	Nguyễn Quang Linh	Nam	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Phước Sơn		73.5		73.5	x		
B.1.25.	**Sóc Trăng: 3 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Sóc Trăng	**0410**	Duyên Minh Trang	Nữ	1995	Tổ chức thi hành án	Cục THADS	x	65.0		65.0	x		Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Sóc Trăng	**0413**	Huỳnh Thị Tuyết Linh	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Châu Thành	x	65.0		65.0	x		
3	tỉnh Sóc Trăng	**0411**	Trần Hoàng An	Nam	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Châu Thành		65.0		65.0		x	
B.1.26.	**Tây Ninh: 16 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Tây Ninh	**0418**	Nguyễn Vũ An	Nam	1997	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Tân Biên		75.5		75.5	x		
2	tỉnh Tây Ninh	**0428**	Võ Thành Long	Nam	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS thành phố Tây Ninh		61.3		61.3	x		
3	tỉnh Tây Ninh	**0416**	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		53.8		53.8	x		
4	tỉnh Tây Ninh	**0417**	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	1998	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		53.0		53.0	x		
5	tỉnh Tây Ninh	**0425**	Nguyễn Quốc Ngữ	Nam	1985	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Châu Thành		50.5	2.5	53.0	x		

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
B.1.27.	**Thái Nguyên: 1 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Thái Nguyên	**0171**	Nông Bế Nguyễn Cường	Nam	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Đại Từ		66.3	5	71.3	x		
B.1.28.	**Thanh Hoá: 2 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Thanh Hóa	**0178**	Nguyễn Sỹ Thịnh	Nam	1996	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Quan Sơn		67.3		67.3	x		
2	tỉnh Thanh Hóa	**0175**	Hà Huyền Trang	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Quan Hóa		61.8	5	66.8	x		
B.1.29.	**Tiền Giang: 5 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Tiền Giang	**0438**	Mai Hạ Ngọc Thịnh	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy		68.3		68.3	x		Cục THADS tỉnh Tiền Giang : 1 chỉ tiêu, Chi cục THADS huyện Châu Thành : 2 chỉ tiêu, huyện Gò Công Đông : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Tiền Giang	**0439**	Đặng Thị Lệ Thủy	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy		50.0		50.0		x	
B.1.30.	**Trà Vinh: 12 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Trà Vinh	**0445**	Lư Thị Điệp	Nữ	1993	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Trà Cú	x	68.0	5	73.0	x		
2	tỉnh Trà Vinh	**0446**	Sơn Thái Ngoan	Nam	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Trà Cú	x	55.3	5	60.3	x		
B.1.31.	**Vĩnh Long: 5 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Vĩnh Long	**0449**	Lê Thị Kim Sang	Nữ	1995	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Trà Ôn		65.5		65.5	x		
2	tỉnh Vĩnh Long	**0448**	Ngô Yến Ngân	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		59.3		59.3	x		

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
B.1.32.	**Cần Thơ: 4 chỉ tiêu**													
1	TP. Cần Thơ	**0457**	Lê Thị Ngọc Trân	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Ninh Kiều		68.5		68.5	x		Cục THADS TP Cần Thơ : 1 chỉ tiêu, Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh : 1 chỉ tiêu
2	TP. Cần Thơ	**0453**	Lê Thị Xuân Mai	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Thới Lai		66.5		66.5	x		
3	TP. Cần Thơ	**0455**	Trần Lê Nhã Uyên	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Thới Lai		59.8		59.8		x	
4	TP. Cần Thơ	**0454**	Trác Huỳnh Quốc Sỷ	Nam	2001	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Thới Lai		58.0		58.0		x	
B.1.33.	**Hà Nội: 9 chỉ tiêu**													
1	TP. Hà Nội	**0204**	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	1992	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Ba Đình		85.5		85.5	x		Chi cục THADS quận Ba Vì : 2 chỉ tiêu, huyện Mỹ Đức : 1 chỉ tiêu, huyện Ứng Hoà : 1 chỉ tiêu
2	TP. Hà Nội	**0209**	Nguyễn Trung Đức	Nam	1997	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng		85.0		85.0	x		
3	TP. Hà Nội	**0208**	Bùi Khánh Vân	Nữ	1994	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Cầu Giấy		83.5		83.5	x		
4	TP. Hà Nội	**0195**	Phí Thị Thùy	Nữ	1986	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Quốc Oai		77.5	5	82.5	x		
5	TP. Hà Nội	**0202**	Lê Minh Duy	Nam	1992	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Ba Đình	x	81.5		81.5		x	
6	TP. Hà Nội	**0206**	Lê Mai Chi	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Cầu Giấy		72.0	5	77.0		x	
7	TP. Hà Nội	**0201**	Đinh Hoàng Dũng	Nam	1993	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Ba Đình		75.0		75.0		x	
8	TP. Hà Nội	**0194**	Hà Ngọc Thắng	Nam	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Quốc Oai		73.8		73.8		x	
9	TP. Hà Nội	**0188**	Nguyễn Thị Hồng Loan	Nữ	1998	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Hoài Đức		73.5		73.5	x		

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
B.1.34.	**Hải Phòng: 3 chỉ tiêu**													
1	TP. Hải Phòng	**0215**	Đặng Đoàn Phương Nam	Nam	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		85.5		85.5	x		
2	TP. Hải Phòng	**0214**	Nguyễn Thị Thanh Hà	Nữ	1996	Tổ chức thi hành án	Cục THADS	x	72.0		72.0	x		
3	TP. Hải Phòng	**0217**	Nguyễn Hà Phương	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		68.5		68.5	x		
B.1.35.	**TP. Hồ Chí Minh: 36 chỉ tiêu**													
1	TP. Hồ Chí Minh	**0463**	Vũ Vân Anh	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		89.0	5	94.0	x		Chi cục THADS Quận 1 : 1 chỉ tiêu, Quận 3 : 1 chỉ tiêu, Quận 8 : 2 chỉ tiêu, Quận 12 : 1 chỉ tiêu, quận Phú Nhuận : 1 chỉ tiêu, huyện Củ Chi : 3 chỉ tiêu
2	TP. Hồ Chí Minh	**0530**	Nguyễn Thị Hoài Thư	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		83.0		83.0	x		
3	TP. Hồ Chí Minh	**0549**	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	2001	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Hóc Môn		81.5		81.5	x		
4	TP. Hồ Chí Minh	**0559**	Lê Trần Quỳnh Như	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS Quận 4		81.0		81.0	x		
5	TP. Hồ Chí Minh	**0565**	Tống Hoàng Anh	Nữ	1995	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận 8		80.0		80.0	x		
6	TP. Hồ Chí Minh	**0587**	Nguyễn Thành Đạt	Nam	1993	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Tân Bình		79.3		79.3	x		
7	TP. Hồ Chí Minh	**0564**	Nguyễn Huỳnh Minh Thư	Nữ	1997	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS Quận 7		79.0		79.0	x		
8	TP. Hồ Chí Minh	**0470**	Nguyễn Thị Minh Duyên	Nữ	1998	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		78.5		78.5	x		
9	TP. Hồ Chí Minh	**0534**	Phan Chí Trung	Nam	1999	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		78.0		78.0	x		
10	TP. Hồ Chí Minh	**0489**	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		77.8		77.8	x		
11	TP. Hồ Chí Minh	**0521**	Châu Kiết Tường	Nam	1998	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		72.5	5	77.5	x		

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
12	TP. Hồ Chí Minh	**0488**	Đậu Đình Khoa	Nam	1998	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		77.0		77.0	x		Chi cục THADS Quận 1 : 1 chỉ tiêu, Quận 3 : 1 chỉ tiêu, Quận 8 : 2 chỉ tiêu, Quận 12 : 1 chỉ tiêu, quận Phú Nhuận : 1 chỉ tiêu, huyện Củ Chi : 3 chỉ tiêu
13	TP. Hồ Chí Minh	**0550**	Trương Tiểu Linh	Nữ	1996	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Hóc Môn		76.5		76.5	x		
14	TP. Hồ Chí Minh	**0520**	Bùi Anh Tuấn	Nam	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		76.0		76.0	x		
15	TP. Hồ Chí Minh	**0551**	Nguyễn Thành Long	Nam	2001	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Hóc Môn		75.0		75.0	x		
16	TP. Hồ Chí Minh	**0584**	Nguyễn Bá Du	Nam	1994	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Bình Thạnh		70.0	5	75.0	x		
17	TP. Hồ Chí Minh	**0533**	Dương Thị Trâm	Nữ	1996	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		73.5		73.5	x		
18	TP. Hồ Chí Minh	**0482**	Nguyễn Quang Huy	Nam	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		73.3		73.3	x		
19	TP. Hồ Chí Minh	**0471**	Nguyễn Hải Dương	Nam	1996	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		71.5		71.5	x		
20	TP. Hồ Chí Minh	**0514**	Nguyễn Ngọc Trúc Quỳnh	Nữ	1998	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		70.5		70.5	x		
21	TP. Hồ Chí Minh	**0486**	Nguyễn Thị Thanh Hương	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		70.3		70.3	x		
22	TP. Hồ Chí Minh	**0588**	Nguyễn Hồng Nhựt	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Tân Bình		70.3		70.3	x		
23	TP. Hồ Chí Minh	**0542**	Nguyễn Thị Thanh Hà	Nữ	1990	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Củ Chi		64.5	5	69.5	x		
24	TP. Hồ Chí Minh	**0494**	Nguyễn Thị Phương Nga	Nữ	1997	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		69.0		69.0	x		
25	TP. Hồ Chí Minh	**0523**	Võ Thị Mỹ Thành	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		69.0		69.0		x	
26	TP. Hồ Chí Minh	**0552**	Huỳnh Ngọc Tâm Như	Nữ	1998	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS huyện Hóc Môn		69.0		69.0		x	

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
27	TP. Hồ Chí Minh	**0576**	Nguyễn Kim Công	Nam	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Bình Tân		69.0		69.0	x		
28	TP. Hồ Chí Minh	**0540**	Lê Thị Yến Xuân	Nữ	1999	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		68.8		68.8		x	
29	TP. Hồ Chí Minh	**0580**	Bùi Nguyễn Ý Nhi	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Bình Tân		68.8		68.8	x		
30	TP. Hồ Chí Minh	**0507**	Nguyễn Hồng Phúc	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		68.5		68.5		x	
31	TP. Hồ Chí Minh	**0525**	Hồ Thu Thảo	Nữ	2000	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		68.3		68.3		x	Chi cục THADS Quận 1 : 1 chỉ tiêu, Quận 3 : 1 chỉ tiêu, Quận 8 : 2 chỉ tiêu, Quận 12 : 1 chỉ tiêu, quận Phú Nhuận : 1 chỉ tiêu, huyện Củ Chi : 3 chỉ tiêu
32	TP. Hồ Chí Minh	**0469**	Huỳnh Vũ Mỹ Duyên	Nữ	1998	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		68.0		68.0		x	
33	TP. Hồ Chí Minh	**0517**	Nguyễn Thị Bích Tiền	Nữ	2001	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		68.0		68.0		x	
34	TP. Hồ Chí Minh	**0578**	Bùi Minh Hoàng	Nam	1997	Tổ chức thi hành án	Chi cục THADS quận Bình Tân		64.5	2.5	67.0	x		
35	TP. Hồ Chí Minh	**0504**	Lê Nguyễn Ý Nhi	Nữ	1994	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		66.8		66.8		x	
36	TP. Hồ Chí Minh	**0510**	Nguyễn Thị Lan Phương	Nữ	1993	Tổ chức thi hành án	Cục THADS		66.5		66.5		x	
B.2.	**Vị trí Văn thư**													
B.2.1.	**Vĩnh Long: 1 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Vĩnh Long	**0624**	Huỳnh Thị Tân Tân	Nữ	1999	Văn thư	Cục THADS	x	71.0		71.0	x		
B.2.2.	**Vĩnh Phúc: 2 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Vĩnh Phúc	**0267**	Đỗ Kim Anh	Nữ	1999	Văn thư	Chi cục THADS thành phố Phúc Yên	x	82.5		82.5	x		
2	tỉnh Vĩnh Phúc	**0270**	Hoàng Thị Loan	Nữ	1982	Văn thư	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương	x	79.0		79.0	x		

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
B.2.3.	**TP. Hồ Chí Minh: 5 chỉ tiêu**													
1	TP. Hồ Chí Minh	**0633**	Nguyễn Thị Thu Xuân	Nữ	1992	Văn thư	Chi cục THADS quận 12	x	83.5		83.5	x		Cục THADS TP Hồ Chí Minh : 1 chỉ tiêu, Quận 11 : 1 chỉ tiêu, Quận Bình Tân : 1 chỉ tiêu
2	TP. Hồ Chí Minh	**0632**	Nguyễn Thanh Tú	Nam	1996	Văn thư	Chi cục THADS Quận 10	x	74.0		74.0	x		
B.3.	**Vị trí Công nghệ thông tin**													
B.3.1.	**Bến Tre: 1 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Bến Tre	**0611**	Cao Quốc Hưng	Nam	2000	Công nghệ thông tin	Cục THADS		53.0		53.0	x		
B.3.2.	**Long An: 1 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Long An	**0612**	Huỳnh Phương Thành	Nam	1991	Công nghệ thông tin	Cục THADS		50.0	2.5	52.5	x		
B.4.	**Vị trí Kế toán viên**													
B.4.1.	**An Giang: 3 chỉ tiêu**													
1	tỉnh An Giang	**0590**	Nguyễn Ngọc Thạch	Nữ	1994	Kế toán viên	Chi cục THADS huyện An Phú		57.5		57.5	x		
2	tỉnh An Giang	**0592**	Ngô Quốc Cương	Nam	1978	Kế toán viên	Chi cục THADS huyện Châu Phú		54.0		54.0	x		
B.4.2.	**Bắc Giang: 2 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Bắc Giang	**0221**	Vi Thị Ngọc Anh	Nữ	1998	Kế toán viên	Chi cục THADS huyện Sơn Động	x	76.0	5	81.0	x		Chi cục THADS huyện Yên Thế : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Bắc Giang	**0222**	Ngọc Thị Hương	Nữ	1992	Kế toán viên	Chi cục THADS huyện Sơn Động	x	51.0	5	56.0		x	

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
B.4.3.	**Bạc Liêu: 2 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Bạc Liêu	**0595**	Hứa Thị Yến Nhi	Nữ	1999	Kế toán viên	Cục THADS		62.0		62.0	x		Chi cục THADS huyện Giá Rai : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Bạc Liêu	**0596**	Nguyễn Thị Hồng Tươi	Nữ	1995	Kế toán viên	Cục THADS		59.5		59.5		x	
B.4.4.	**Cao Bằng: 2 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Cao Bằng	**0224**	Hoàng Thị Diệu Linh	Nữ	1999	Kế toán viên	Chi cục THADS huyện Nguyên Bình	x	83.5	5	88.5	x		
2	tỉnh Cao Bằng	**0227**	Trương Tố Hạnh	Nữ	1992	Kế toán viên	Chi cục THADS thành phố Cao Bằng	x	70.0	5	75.0	x		
B.4.5.	**Hà Giang: 3 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Hà Giang	**0231**	Nguyễn Thị Thoại	Nữ	1988	Kế toán viên	Chi cục THADS huyện Yên Minh	x	63.5	5	68.5	x		
2	tỉnh Hà Giang	**0229**	Âu Thị Luyến	Nữ	1990	Kế toán viên	Chi cục THADS huyện Hoàng Su Phì	x	56.5	5	61.5	x		
3	tỉnh Hà Giang	**0230**	Hoàng Thu Thủy	Nữ	2000	Kế toán viên	Chi cục THADS huyện Quang Bình	x	50.5	5	55.5	x		
B.4.6.	**Hà Tĩnh: 2 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Hà Tĩnh	**0232**	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	1992	Kế toán viên	Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh		65.5		65.5	x		
B.4.7.	**Hưng Yên: 2 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Hưng Yên	**0234**	Nguyễn Thị Phượng	Nữ	1996	Kế toán viên	Chi cục THADS TP. Hưng Yên		89.0		89.0	x		Chi cục THADS huyện Khoái Châu : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Hưng Yên	**0233**	Nguyễn Đức Hiệp	Nam	1994	Kế toán viên	Chi cục THADS TP. Hưng Yên		50.0		50.0		x	

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
B.4.8.	**Long An: 5 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Long An	**0600**	Trần Thị Ngọc Lan	Nữ	1992	Kế toán viên	Cục THADS		67.5		67.5	x		
2	tỉnh Long An	**0601**	Trần Thị Thuỳ Ngân	Nữ	1993	Kế toán viên	Cục THADS		52.0		52.0	x		
4	tỉnh Long An	**0599**	Nguyễn Thị Kim Hương	Nữ	2001	Kế toán viên	Cục THADS		50.0		50.0	x		
B.4.9.	**Nghệ An: 3 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Nghệ An	**0235**	Trần Thị Hà Phương	Nữ	1998	Kế toán viên	Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu		64.0		64.0	x		Chi cục THADS huyện Diễn Châu : 1 chỉ tiêu, huyện Nghĩa Đàn : 1 chỉ tiêu
B.4.10.	**Hà Nội: 7 chỉ tiêu**													
1	TP. Hà Nội	**0237**	Dương Quỳnh Anh	Nữ	1997	Kế toán viên	Cục THADS		75.5		75.5	x		Chi cục THADS quận Hoàng Mai : 1 chỉ tiêu, quận Đống Đa : 1 chỉ tiêu, quận Nam Từ Liêm : 1 chỉ tiêu
2	TP. Hà Nội	**0243**	Lương Nguyễn Thu Hường	Nữ	1999	Kế toán viên	Cục THADS		73.0		73.0	x		
3	TP. Hà Nội	**0244**	Phan Thị Hương Lan	Nữ	2001	Kế toán viên	Cục THADS		67.5		67.5	x		
4	TP. Hà Nội	**0236**	Cồ Ngọc Anh	Nữ	1995	Kế toán viên	Cục THADS		64.0		64.0		x	
5	TP. Hà Nội	**0249**	Nguyễn Yến Linh	Nữ	2001	Kế toán viên	Chi cục THADS quận Ba Đình, thành phố Hà Nội		64.0		64.0	x		
6	TP. Hà Nội	**0239**	Đậu Tấn Dũng	Nam	1997	Kế toán viên	Cục THADS		62.5		62.5		x	
7	TP. Hà Nội	**0246**	Ngô Khánh Nam	Nam	1997	Kế toán viên	Cục THADS		55.0		55.0		x	

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
B.4.11.	**TP Hồ Chí Minh: 02 chỉ tiêu**													
1	TP. Hồ Chí Minh	**0605**	Nguyễn Thị Kiều Diễm	Nữ	2000	Kế toán viên	Chi cục THADS quận Bình Tân		50.0		50.0	x		Chi cục THADS huyện Cần Giờ : 1 chỉ tiêu
B.5.	**Vị trí Thủ kho, thủ quỹ**													
B.5.1.	**An Giang: 1 chỉ tiêu**													
1	tỉnh An Giang	**0614**	Lê Thị Lan Chi	Nữ	1992	Thủ kho, Thủ quỹ	Chi cục THADS huyện Châu Phú	x	54.5		54.5	x		
B.5.2.	**Tây Ninh: 4 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Tây Ninh	**0616**	Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	1998	Thủ kho, Thủ quỹ	Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng	x	68.0		68.0	x		Chi cục THADS huyện Hoà Thành : 1 chỉ tiêu, huyện Châu Thành : 1 chỉ tiêu, huyện Tân Châu : 1 chỉ tiêu
2	tỉnh Tây Ninh	**0617**	Hoàng Thị Hồng Hạnh	Nữ	1993	Thủ kho, Thủ quỹ	Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng	x	63.5		63.5		x	
3	tỉnh Tây Ninh	**0618**	Nguyễn Thị Xuân Hoa	Nữ	1993	Thủ kho, Thủ quỹ	Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng	x	62.5		62.5		x	
B.5.3.	**TP Hồ Chí Minh: 01 chỉ tiêu**													
1	TP. Hồ Chí Minh	**0619**	Trần Thị Hoa	Nữ	1990	Thủ kho, Thủ quỹ	Chi cục THADS huyện Hóc Môn	x	73.5		73.5		x	
B.6.	**Vị trí Tổ chức nhân sự**													
B.6.1.	**An Giang: 1 chỉ tiêu**													
1	tỉnh An Giang	**0606**	Phan Huỳnh Loan	Nữ	2000	Tổ chức nhân sự	Cục THADS		60.8		60.8	x		
B.6.2.	**Bạc Liêu: 1 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Bạc Liêu	**0608**	Nguyễn Ngọc Như	Nữ	1997	Tổ chức nhân sự	Cục THADS		68.5		68.5	x		

STT	Tỉnh, thành phố	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Miễn ngoại ngữ	Điểm môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Trúng tuyển đúng vị trí dự tuyển	Được chuyển đơn vị khác	Đơn vị còn chỉ tiêu
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
B.6.3.	**Hà Nội: 2 chỉ tiêu**													
1	TP. Hà Nội	**0265**	Nguyễn Ngọc Thảo	Nữ	2001	Tổ chức nhân sự	Cục THADS		75.0		75.0	x		
2	TP. Hà Nội	**0266**	Lê Thanh Thủy	Nữ	1994	Tổ chức nhân sự	Cục THADS		74.0		74.0	x		
B.6.4.	**Tiền Giang: 1 chỉ tiêu**													
1	tỉnh Tiền Giang	**0609**	Lê Thành Đạt	Nam	1996	Tổ chức nhân sự	Cục THADS		88.3		88.3	x		